

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2025 HỌC COURSE 0

(Kèm theo thông báo số: /TB-VKT ngày tháng năm 2025)

TT	Họ tên		MSSV	Mã Lớp	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Ngày thi
1	Trương Tuấn	Anh	B25DVCN003	D25VHCN02-B	115	105	220	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
2	Trần Quỳnh	Hương	B25DVTT027	D25VHTT01-B	145	75	220	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
3	Hoàng Nam	Khánh	B25DVTT032	D25VHTT02-B	140	80	220	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
4	Lê Phong	Lưu	B25DVCN045	D25VHCN01-B	130	90	220	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
5	Lê Đức	Hải	B25DVCN034	D25VHCN02-B	125	90	215	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
6	Phạm Đức	Long	B25DVTT040	D25VHTT02-B	130	85	215	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
7	Lưu Công	Minh	B25DVTT044	D25VHTT01-B	140	75	215	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
8	Lê Quang	Bảo	B25DVCN006	D25VHCN02-B	115	95	210	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
9	Bùi Thành	Long	B25DVCN040	D25VHCN02-B	130	80	210	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
10	Hoàng Bảo	Minh	B25DVQT047	D25VHQT02-B	125	85	210	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
11	Bùi Thanh	Hằng	B25DVQT037	D25VHQT01-B	110	95	205	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
12	Lê Thị Ánh	Ngọc	B25DVTT054	D25VHTT02-B	115	90	205	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
13	Tường Minh	Chi	B25DVTT014	D25VHTT01-B	135	65	200	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
14	Phạm Thị	Hậu	B25DVQT036	D25VHQT01-B	110	90	200	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
15	Nguyễn Đình	Khánh	B25DVTT033	D25VHTT02-B	115	85	200	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
16	Vũ Ngọc	Lân	B25DVCN044	D25VHCN02-B	115	80	195	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
17	Nguyễn Lê Khánh	Linh	B25DVQT040	D25VHQT02-B	125	70	195	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
18	Nguyễn Thị Hà	Anh	B25DVTT007	D25VHTT01-B	115	75	190	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
19	Tạ Quang	Dũng	B25DVCN019	D25VHCN01-B	110	80	190	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025

TT	Họ tên		MSSV	Mã Lớp	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Ngày thi
20	Vũ Thị Thu	Hiền	B25DVCN025	D25VHCN01-B	100	90	190	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
21	Phan Kim	Anh	B25DVQT005	D25VHQT01-B	110	75	185	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
22	Lê Quỳnh	Hoa	B25DVQT022	D25VHQT02-B	125	60	185	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
23	Nguyễn Đức	Mạnh	B25DVCN053	D25VHCN02-B	115	60	175	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
24	Phạm Tiến	Minh	B25DVQT048	D25VHQT01-B	100	75	175	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
25	Nguyễn Khánh	Hung	B25DVQT029	D25VHQT02-B	100	60	160	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
26	Phạm Hữu	Khánh	B25DVCN036	D25VHCN02-B	80	70	150	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
27	Đinh Quỳnh	Anh	B25DVQT006	D25VHQT02-B	105	10	115	Memorized Proficiency/Beginner	05/10/2025
28	Tô Phương	Nguyên	B25DVTT050	D25VHTT02-B	130	90	220	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
29	Đào Văn	Thắng	B25DVCN078	D25VHCN01-B	150	70	220	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
30	Đào Quang	Thành	B25DVCN074	D25VHCN02-B	145	75	220	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
31	Đào Văn	Trưởng	B25DVQT069	D25VHQT01-B	150	70	220	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
32	Hoàng Thị Phương	Uyên	B25DVTT072	D25VHTT01-B	120	100	220	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
33	Nguyễn Thị Ý	Nhi	B25DVQT052	D25VHQT02-B	105	110	215	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
34	Nguyễn Minh	Thắng	B25DVTT066	D25VHTT02-B	125	90	215	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
35	Đào Lê	Thành	B25DVCN073	D25VHCN01-B	115	100	215	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
36	Phạm Vũ Triệu	Vy	B25DVQT075	D25VHQT01-B	140	75	215	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
37	Nguyễn Bình	Tiến	B25DVCN079	D25VHCN02-B	130	80	210	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
38	Hoàng Mai	Trang	B25DVTT070	D25VHTT01-B	155	55	210	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
39	Trần Anh	Nhật	B25DVCN060	D25VHCN01-B	130	75	205	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
40	Đinh Thị Hải	Phương	B25DVTT059	D25VHTT01-B	100	105	205	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025

TT	Họ tên		MSSV	Mã Lớp	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Ngày thi
41	Nguyễn Hữu	Quỳnh	B25DVCN067	D25VHCN01-B	140	65	205	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
42	Nguyễn Minh	Nhật	B25DVQT057	D25VHQT02-B	110	75	185	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
43	Nghiêm Đức	Trung	B25DVCN082	D25VHCN01-B	115	70	185	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
44	Nguyễn Hoàng	Nguyên	B25DVTT049	D25VHTT01-B	105	75	180	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
45	Bùi Thanh	Nhàn	B25DVQT056	D25VHQT01-B	115	65	180	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
46	Đào Yến	Nhi	B25DVQT053	D25VHQT01-B	105	75	180	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
47	Phạm Bá	Thắng	B25DVCN077	D25VHCN02-B	90	80	170	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
48	Nguyễn Ngọc	Tùng	B25DVCN091	D25VHCN02-B	90	75	165	Memorized Proficiency/Beginner	10/10/2025
49	Dương Thị Ánh	Nguyệt	B25DVTT051	D25VHTT01-B	85	125	210	Memorized Proficiency/Beginner	17/10/2025
50	Nguyễn Cảnh	Sáng	B25DVTT061	D25VHTT01-B	100	70	170	Memorized Proficiency/Beginner	17/10/2025
51	Mai Ngọc	Bích	B25DVTT012	D25VHTT02-B	None	None	None	None	
52	Bạch Văn	Cường	B25DVTT015	D25VHTT01-B	None	None	None	None	
53	Trần Danh	Đạt	B25DVCN100	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
54	Lương Bá Tuấn	Đạt	B25DVTT079	D25VHTT01-B	None	None	None	None	
55	Đỗ Xuân	Hiếu	B25DVQT020	D25VHQT02-B	None	None	None	None	
56	Mai Quý	Hoàng	B25DVCN028	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
57	Phạm Thị Cẩm	Hồng	B25DVTT030	D25VHTT01-B	None	None	None	None	
58	Nguyễn Thanh	Luận	B25DVCN042	D25VHCN01-B	None	None	None	None	
59	Nguyễn Kim Nhật	Minh	B25DVCN048	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
60	Đặng Nguyễn Bích	Ngọc	B25DVTT055	D25VHTT02-B	None	None	None	None	
61	Nguyễn Hoàng	Quân	B25DVCN064	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
62	Nguyễn Đắc Thanh	Tùng	B25DVCN092	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
63	Trần Lê	Vi	B25DVTT073	D25VHTT01-B	None	None	None	None	
64	Lương Gia	Huy	B25DVCN209	D25VHCN01-B	None	None	None	None	

TT	Họ tên		MSSV	Mã Lớp	Listening	Reading	Total	Proficiency Levels/ Training Levels	Ngày thi
65	Trần Đăng	Kiên	B25DVCN210	D25VHCN01-B	None	None	None	None	
66	Triệu Sơn	Long	B25DVCN211	D25VHCN01-B	None	None	None	None	
67	Ngọc Anh	Tuấn	B25DVCN212	D25VHCN01-B	None	None	None	None	
68	Lưu Duy	Bảo	B25DVCN207	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
69	Nông Khánh	Duy	B25DVCN208	D25VHCN02-B	None	None	None	None	
70	Quách Đăng	Quang	B25DVQT163	D25VHQT02-B	None	None	None	None	
71	Tô Lưu	Phương	B25DVTT159	D25VHTT02-B	None	None	None	None	